**I. CƠ SỞ LÝ LUẬN:**

Khái quát về hợp đồng vay tài sản:

Khái niệm hợp đồng vay tài sản:

Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật quy định. (Điều 471- Bộ Luật Dân sự 2005)

Đặc điểm pháp lý của hợp đồng vay tài sản:

Có sự chuyển dịch tài sản và chuyển quyền sở hữu

Hợp đồng vay tài sản là sự chuyển dịch tài sản từ bên cho vay sang bên vay khi đó quyền sở hữu sẽ thuộc về bên vay khi bên vay nhận tài sản. (Căn cứ theo các Điều 472 và 473 Bộ Luật Dân sự 2005).

Hết thời hạn cho vay thì bên vay phải trả lại tài sản cho bên vay, kèm theo lãi suất (nếu hợp đồng cho vay có lãi suất) (Căn cứ theo Điều 474 Bộ Luật Dân sự 2005).

Ý nghĩa của hợp đồng vay tài sản:

Thường mang tính chất tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau để giải quyết những khó khăn tạm thời trong cuộc sống, trong sản xuất, kinh doanh:

Giúp cho bên vay giải quyết những khó khăn kinh tế trước mắt.

Giúp cho các Doanh nghiệp khắc phục khó khăn khi thiếu vốn để sản xuất và lưu thông hàng hóa, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của con người, nhu cầu kinh doanh của Doanh nghiệp.

Đối tượng và kì hạn của hợp đồng vay tài sản:

Đối tượng:

Thông thường, đối tượng của hợp đồng vay tài sản là một khoản tiền. Tuy nhiên, trong thực tế, đối tượng của hợp đồng cho vay có thể là vàng, kim khí, đá quý hoặc một số lượng tài sản khác.

Trong thực tế, hợp đồng vay tiền thường được thực hiện trong các giao dịch dân sự nhiều hơn hợp đồng vay tài sản vì tiền là loại tài sản dễ trao, dễ chuyển từ người này sang người khác. Do đó Hợp đồng vay tiền là 1 loại hợp đồng vay tài sản phổ biến nhất hiện nay.

Kỳ hạn:

Theo quy định tại các Điều 477 và 478 (Bộ Luật Dân Sự 2005) thì hợp đồng vay tài sản gồm có 02 loại như sau:

-Hợp đồng vay không kỳ hạn: bao gồm hai loại là vay không kỳ hạn không có lãi và vay không kỳ hạn có lãi.

-Hợp đồng vay có kỳ hạn: bao gồm hai loại là vay có kỳ hạn không có lãi và vay có kỳ hạn có lãi.

Hình thức của hợp đồng vay tài sản:

Hình thức hợp đồng vay tài sản có thể bằng miệng hoặc bằng văn bản. Hình thức miệng thường được áp dụng trong những trường hợp như số lượng tài sản cho vay không lớn hoặc giữa các bên có mối quan hệ thân quen. Trường hợp cho vay bằng miệng, nếu xảy ra tranh chấp hợp đồng, bên cho vay phải chứng minh được là mình đã cho vay một số tiền hoặc một số tài sản nhất định. Trong thực tế, nếu hình thức của hợp đồng bằng miệng mà có tranh chấp thì rất khó xác định quyền và nghĩa vụ của các bên. Để làm cơ sở pháp lí cho việc giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản, các bên cần phải kí kết hợp đồng bằng văn bản. Các bên có thể tự lập văn bản hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận văn bản đó.

Lãi suất và lãi trong hợp đồng vay tài sản:

Trong hợp đồng vay tài sản, nếu các bên không thỏa thuận hoặc pháp luật không quy định thì hợp đồng vay tài sản không có lãi suất.

Nếu các bên có thỏa thuận về lãi suất thì không được vượt quá 150% của lãi suất cao nhất do Ngân hàng nhà nước quy định đối với loại cho vay tương ứng (Theo khoản 1, điều 476, BLDS 2005)

Nếu các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì mức lãi suất tối đa mà tòa án chấp nhận không vượt quá 150% mức lãi suất cao nhất do Ngân hàng nhà nước quy định đối với loại cho vay tương ứng. (Theo khoản 2, điều 476, BLDS 2005).

Quyền và nghĩa vụ của các bên:

Quyền:

Bên Cho Vay

Bên Vay

Sử dụng

Tài sản

Có quyền kiểm tra việc sử dụng tài sản của bên vay có đúng mục đích như thỏa thuận hay không. Nếu sử dụng tài sản không đúng mục đích đã thỏa thuận, bên cho vay có quyền hủy hợp đồng.

(Theo điều 475, BLDS 2005)

Có toàn quyền đối với tài sản vay, trừ trường hợp vay có điều kiện sử dụng.

(Theo điều 473, BLDS 2005)

Hợp đồng vay không kì hạn

Không lãi

Có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và phải thông báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý.

(Theo khoản 1, điều 477, BLDS 2005)

Có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và phải thông báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý.

(Theo khoản 1, điều 477, BLDS 2005)

Có lãi

Có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản. Hết thời hạn đó là hết thời hạn hợp đồng và bên vay không trả nợ là vi phạm về thời hạn.

(Theo khoản 2, điều 477, BLDS 2005)

Có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và phải thông báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ.

(Theo khoản 2, điều 477, BLDS 2005)

Hợp đồng vay có kì hạn

Không lãi

Chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn nếu được bên vay đồng ý

(Theo khoản 1, điều 478, BLDS 2005)

Có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý.

(Theo khoản 1, điều 478, BLDS 2005)

Có lãi

Có quyền yêu cầu bên vay trả cho mình một số tiền, tài sản tương ứng với tiền, tài sản đã cho vay.

Có quyền yêu cầu trả tiền lãi như thỏa thuận.

Nếu hợp đồng cho vay có áp dụng biện pháp bảo đảm thực hiên nghĩa vụ nhưng bên vay không thực hiện đúng thời hạn thì bên cho vay có quyền xử lý tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ như thỏa thuận hoặc yêu cầu bán đấu giá để thực hiện nghĩa vụ.

Có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, nếu không có thỏa thuận khác.

(Theo khoản 2, điều 478, BLDS 2005)

Nghĩa vụ:

Bên cho vay:

Theo điều 473, BLDS 2005:

- Giao tài sản cho bên vay đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận.

- Bồi thường thiệt hại cho bên vay, nếu bên cho vay biết tài sản không đảm bảo chât lượng mà không báo cho bên vay biết, trừ trường hợp bên vay biết mà vẫn nhận tài sản đó.

- Không được yêu cầu bên vay trả lại tài sản trước thời hạn, trừ trường hợp quy định tại điều 478 của Bộ luật này.

Bên vay:

Theo điều 474, BLDS 2005:

- Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- Trong trường hợp bên vay không thể trả vật thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên vay đồng ý.

- Địa điểm trả nợ là nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở của bên cho vay, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận.

- Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Theo khoản 2, điều 478, BLDS 2005:

- Nếu hợp đồng vay có kì hạn mà bên vay trả nợ trước thời hạn thì phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi của cả thời hạn vay trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Họ, hụi, biêu, phường:

Khái niệm:

Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp vốn, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên. (Theo khoản 1, điều 479, BLDS 2005)

Nguyên tắc chung của chơi họ:

Khi chơi họ cần có một người đứng ra làm chủ ("chủ họ") và mời các thành viên khác cùng chơi ("con họ"). Chủ họ có trách nhiệm đi thu tiền (tài sản) của con họ. Một "dây họ" có thể không giới hạn người chơi. Các thành viên của dây họ thống nhất góp một loại tài sản có giá trị giao dịch như: tiền, vàng, gạo... Dây họ cũng thỏa thuận số lượng tài sản góp, số kỳ góp, thời gian góp, kỳ mở họ...

Bên cạnh đó, còn có họ tính lãi. Với kiểu này, người nào hốt trước sẽ lỗ nhiều, người "hốt họ chót" sẽ lời nhiều.

Chơi họ giống hình thức bỏ ống tiết kiệm nhưng giúp các con họ có cơ hội nhận trước tổng số tiền mình định tiết kiệm nhanh hơn. Và khi đã nhận được tiền họ, người đó trở về giống hình thức trả góp.

Bể họ: Khi chủ họ đã thu họ của các con họ, đến kì mở họ mà không chi trả cho người được hốt họ thì được coi là bể họ.

Ý nghĩa:

Bản chất truyền thống của góp họ là những người chơi họ tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. Dưới hình thức góp họ, thành viên góp họ có được số vốn tập trung để có điều kiện kinh doanh hoặc sử dụng vào những công việc cần chi tiêu lớn.

Những hình thức chơi họ có tính chất lành mạnh được Nhà nước khuyến khích. (Theo khoản 2, điều 479, BLDS 2005)

Tuy nhiên, theo khoản 3, điều 479, BLDS 2005, Pháp luật nghiêm cấm lợi dụng hình thức “chơi họ” để nhằm mục đích cho vay nặng lãi giữa “nhà cái” với các “nhà con”, các hình thức chơi họ nhằm lừa đảo hoặc các hình thức biến tướng của chơi họ là đánh bạc... Những trường hợp này, tùy theo mức độ vi phạm nặng nhẹ mà sẽ xử lí hành chính hoặc hình sự.

**III. NGHIÊN CỨU NHÓM:**

Vấn đề: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật dân sự về hợp đồng vay tài sản cụ thể là “Hình thức của hợp đồng vay tài sản”

Hình thức của hợp đồng là một trong những vấn đề mang tính lý luận phức tạp của chế định hợp đồng. Tầm quan trọng của chúng không chỉ dừng lại ở giá trị chứng cứ khi nảy sinh tranh chấp mà còn liên quan đến việc xác định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng, vấn đề hợp đồng vô hiệu, hậu quả pháp lý khi hợp đồng vô hiệu về hình thức. Mặc dù BLDS đã có những quy định về hình thức hợp đồng, trong đó ghi nhận rõ ràng các hình thức, nhưng nhìn chung, toàn bộ quy định liên quan về hình thức của hợp đồng chưa thể hiện được quan điểm pháp lý mang tính toàn diện và hệ thống. Số lượng những vụ tranh chấp tại HĐVTS chủ yếu là hợp đồng miệng, bằng lời nói.

Thực tế xét xử cho thấy, các HĐVTS giao kết bằng lời nói nhiều hơn các hợp đồng giao kết bằng văn bản. Đối với những hợp đồng giao kết bằng lời nói, nếu không có bên thứ ba làm chứng, sẽ tạo rất nhiều khó khăn cho thẩm phán trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ để giải quyết tranh chấp. Do vậy, BLDS cần quy định chi tiết hơn về hình thức của HĐVTS để tạo điều kiện thuận lợi cho Toà án có cơ sở pháp lý khi giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐVTS; đồng thời đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của các bên, bên vay không còn lý do để từ chối việc vay mượn của mình, còn bên cho vay không thể ép buộc bên vay hoặc lợi dụng giấy tờ vay nợ không rõ ràng để đi đòi nợ.

Đây là giao dịch hết sức phổ biến của đời sống dân sự, dễ có những xung đột về lợi ích giữa các chủ thể. Bởi vậy, một bản HĐVTS được ký kết với những điều khoản được quy định rõ ràng là căn cứ xác đáng nhất để các bên thực hiện nghĩa vụ một cách trung thực và tự nguyện.

Từ những vụ án đòi nợ phức tạp đã qua, thiết nghĩ cần phải có hướng dẫn cụ thể dựa vào Điều 471 BLDS năm 2005 về hình thức hợp đồng vay tài sản bằng văn bản. Ví dụ như đối với hợp đồng vay tài sản có giá trị từ bao nhiêu trở lên, có thể từ 5 triệu hay 10 triệu đồng trở lên cần phải lập bằng văn bản có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực của ủy ban nhân dân phường, xã hoặc là luật sư xác nhận làm chứng (vì địa vị của luật sư không thể làm chứng gian dối được) thì lúc đó văn bản hợp đồng vay vốn  mới có giá trị pháp lý, lúc đó người đi vay không có lý do gì  để phủ nhận việc vay của mình, người cho vay cũng không có lý do gì ép người vay hoặc lợi dụng giấy tờ vay không rõ ràng để khởi kiện đòi nợ. Có như vậy mới giúp cho tòa án xét xử về hợp đồng vay được đúng đắn và khách quan, bảo đảm sự công bằng của pháp luật đến mọi người dân.

**IV. TÌNH HUỐNG PHÁP LÝ:**

**Tình huống 1 : Đây là 1 tình huống có thật được nhóm sưu tầm được.**

Theo hồ sơ, tháng 6-2010, ông P. cho bà A. vay 80 triệu đồng. Theo văn bản thỏa thuận vay tiền, bà A. sẽ trả số tiền này làm sáu lần, không tính lãi, hạn chót là ngày 13-12-2010, nếu hết ngày hôm sau (14-12) mà bà A. không trả thì phải tính lãi.

Bà A. ký tên vào phía bên người vay. Ông P. ký tên vào phía người cho vay.

Tuy nhiên, sau đó, bà A. cho rằng chưa hề nhận được số tiền trên, còn ông P. khẳng định đã giao đủ tiền. Không ai chịu ai, ông P. kiện bà A. ra TAND quận Thủ Đức đòi 80 triệu đồng.

Xử sơ thẩm, TAND quận Thủ Đức đã căn cứ vào văn bản thỏa thuận vay tiền, buộc bà A. phải trả tiền cho ông P.

-> Bà A. kháng cáo.

Gợi ý thêm 1 tình tiết: trên văn bản thoả thuận vay tiền này, bà A. ký tên vay tiền nhưng không ghi dòng chữ “Đã nhận tiền”. Tại hai phiên tòa sơ, phúc thẩm, ông P. xác định dòng chữ “Đã nhận tiền” bên cạnh chữ ký của bà A. trong văn bản này là do ông tự ghi.

( Tình huống nhóm đặt ra là:

Bà A có kháng cáo thành công hay không?

Phương hướng xử lý:

Tòa phúc thẩm nhận định việc tòa sơ thẩm không xem xét đến quá trình thực hiện hợp đồng, không xem xét đến chứng cứ các bên đưa ra mà phán quyết như trên là không thỏa đáng. Bởi lẽ xét trong văn bản thỏa thuận vay tiền, bà A. ký tên vay tiền nhưng không ghi dòng chữ “Đã nhận tiền”. Tại hai phiên tòa sơ, phúc thẩm, ông P. xác định dòng chữ “Đã nhận tiền” bên cạnh chữ ký của bà A. trong văn bản này là do ông tự ghi.

Như vậy, việc bà A. thỏa thuận vay 80 triệu đồng của ông P. là có thật nhưng ông P. không chứng minh được là đã giao 80 triệu đồng cho bà A.

Việc ông P. ghi dòng chữ “Đã nhận tiền” ở cạnh phần chữ ký của bà A. để cho rằng bà đã nhận tiền là chưa có cơ sở thuyết phục.

Do đó, quan hệ vay tài sản này không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

**\* Kinh nghiệm được rút ra:**

Theo thẩm phán chủ tọa phiên tòa phúc thẩm, kinh nghiệm pháp lý cần rút ra từ vụ việc này là trong giao dịch vay tài sản, ở giai đoạn thực hiện hợp đồng, các bên cần phải có văn bản để xác định rõ là thực tế đã có việc giao và nhận tài sản hay chưa.

Ví dụ khi thỏa thuận cho vay tiền, bên cho vay giao tiền xong phải yêu cầu bên vay ghi rõ là “đã nhận đủ tiền”… thì mới có căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Nếu bên vay chỉ ký tên trong văn bản vay tiền thôi thì không thể xác định được là hợp đồng này đã được thực hiện hay chưa.

**4.2 Tình huống 2:**

Theo đơn khởi kiện của ông Trương K. (52 tuổi, Việt kiều Mỹ), do có mối quan hệ thân tình nên ông đã thỏa thuận miệng cho bà Tr.Th.T. (31 tuổi, ngụ Bình Thuận) mượn tiền không có lãi để mua đất, xây nhà tại thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong (Bình Thuận). Theo đó, từ ngày 12/3/2008 đến 30/3/2009, ông K. đã 15 lần chuyển tiền về cho bà T. qua hệ thống ngân hàng do Công ty Kiều hối Đ.A. chuyển giao với tổng số tiền 30.100 USD. Sau khi mua đất cất nhà, tháng 12/2008, bà T. đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất mang tên bà T. cho ông K. để làm tin. Bà T. cam kết đến cuối tháng 5/2009 sẽ thanh toán. Tuy nhiên, khi đến hạn, bà T. không trả tiền mà còn không thừa nhận nợ. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu bà T. phải trả số tiền đã mượn cộng thêm lãi suất từ tháng 5/2009.

-> Bà T. kháng cáo.

Bà T. lại trình bày: Bà và ông K. có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2006. Tiền ông K. gửi về là do ông này tự nguyện thỏa thuận miệng tặng trên cơ sở tình cảm. Đến tháng 5/2009, do hai bên không còn quan hệ tình cảm nên ông K. kiện đòi tiền. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

Tình huống nhóm đặt ra là :

Ông K có khởi kiện thành công không?

Phương hướng xử lý:

Dù biết lời khai của bà T. là sự thật (quan hệ với ông K. tình cảm, ông K. tự nguyện cho tiền), tuy nhiên do việc giao nhận tiền được thực hiện qua hệ thống dịch vụ ngân hàng (được nơi này ghi lại), thể hiện bà T. 15 lần đến ngân hàng ký nhận tiền từ tài khoản ông K. gửi về với tổng số tiền 30.100 USD, vì vậy xử sơ thẩm, TAND tỉnh Bình Thuận cho rằng, đủ cơ sở để xác định nguyên, bị đơn đã xác lập giao dịch dân sự trên cơ sở thỏa thuận miệng và bị đơn đã nhận số tiền do nguyên đơn chuyển từ nướcngoàivề. Khoản tiền này, tòa cho rằng, bà T. không có gì chứng minh ông K. đã "tặng, cho" cho mình. Ngoài ra, tòa còn căn cứ vào các tình tiết khác như: thời điểm giao nhận tiền của bị đơn trùng khớp với thời điểm bị đơn mua đất, xây dựng và hoàn thiện căn nhà; bị đơn cũng xác nhận sau khi mua đất, xây nhà còn nợ nhiều người, đặc biệt là hiện nay nguyên đơn đang giữ bản chính giấy tờ đất, đứng tên bị đơn. Theo tòa, những tình tiết này kết hợp với chứng cứ nêu trên, đủ cơ sở xác định lời khai của nguyên đơn về việc "cho mượn" 30.100 USD và bị đơn đã thế giấy tờ nhà, đất để làm tin là có căn cứ. Toà tuyên buộc bà T. phải trả cho ông K. số tiền 541 triệu đồng (tương đương với 30.100 USD). Ngay sau khi bản án được tuyên, bà T đã làm đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm vào ngày 6/7, trước khi đi vào phiên xử, hội đồng xét xử Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM một lần nữa khuyên giải nguyên đơn nên nghĩ đến cái tình trước đây với bà T. mà rút lại đơn yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên, do phía nguyên đơn vẫn "cương quyết" nên vụ án vẫn được đưa ra xét xử và phần thắng cuối cùng thuộc về ông K.

**V. CÂU HỎI THẢO LUẬN NHÓM:**

5.1 Hợp đồng vay tài sản có hiệu lực kể từ thời điểm bên cho vay chuyển giao tài sản vay cho bên vay. Đúng hay sai, tại sao?

Trả lời: Theo qui định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005 hợp đồng vay tài sản có thể được ký kết bằng lời nói, văn bản hoặc hành vi cụ thể. Do đó nếu hợp được ký kết bằng văn bản thì hiệu lực của hợp đồng tại thời điểm được nghi trên văn bản. Nên khẳng định trên là sai.

5.2 Khi lãi suất vượt quá 150% lãi suất của Ngân hàng nhà nước tương ứng thì hợp đồng vay có lại trở thành hợp đồng vay không lãi do vi phạm qui định về lãi suất trong hợp đồng vay tài sản. Đúng hay sai tại sao?

Trả lời: Khi lãi suất vượt quá 150% lãi suất của Ngân hàng nhà nước tương ứng thì hợp đồng vay tài sản này bị vi phạm (theo qui định tại Điều 476 khoản 2 Bộ luật Dân sự 2005). Do đó bị tuyên bố vô hiệu nghĩa là các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, nếu việc hoàn trả bằng hiện vật không thể thực hiện được vì nhiều lý do thì phải trả bằng tiền theo giá trị của vật đã vay. Cho nên khẳng định ở trên là sai.

5.3 Nêu sự khác biệt giữa hợp đồng vay tài sản có tài sản bảo đảm với hợp đồng vay không có tài sản bảo đảm.

Trả lời: Hợp đồng vay tài sản có tài sản bảo đảm la hợp đồng vay mà người vay có tài sản bảo đảm (năng lực tài chính, khả năng trả nợ, điều kiện môi trường, tài sản thế chấp, sự kiểm soát…,) thường quan trọng nhất là người vay đòi hỏi phải có tài sản thế chấp. Và được ký kết bằng văn bản có công chứng. Tài sản đảm bảo đảm bảo cho người cho vay nhận lại toàn bộ tài sản và lãi suốt ( nếu cho vay co lãi suất) hay một phần tài sản, lãi suất mà khi đến thời hạn người vay vì nhiều lý do không có khả năng trả đủ tiền.

Hợp đồng vay tài sản không có tài sản bảo đảm là hợp đồng mà người vay không đòi hỏi phải có tải sản dảm bảo nhưng hợp đồng vẫn dược thực hiện.Và các hợp đồng không nhất thiết hợp đồng nào cũng phải kí kết bằng văn bản. Việc không có tài sản dảm bảo lam cho người cho vay bi thiệt hại nhiều do nguoi vay không đủ khả năng trả tiền đủ tiền khi đến kì hạn.

5.4 Xác định hậu quả pháp lý trong trường hợp tài sản vay không thuộc sở hữu của bên cho vay.

Trả lời: Hậu quả pháp lý trong trường hợp này phân ra làm hai trường hợp sau.

+ Trường hợp bên vay không biết và không thể biết được chủ sở hữu tài sản. Nếu co tranh chấp xảy ra và đưa ra toà xét xử thì căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự 2005 Toà án tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Và bên cho vay phải bồi thường thiệt hại nếu gây ra thiệt hại (Điều 137, 411 khoản 2 Bộ luật Dân sự 2005) , hoa lợi và lợi tức thu dược bị tịch thu theo quy định của pháp luật căn cứ vào Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005

+ Trường hợp bên vay biết hoặc phải biết được chủ sở hữu tài sản nhưng vẫn thực hiên hợp đồng vay tài sản với bên cho vay.Nếu có tranh chấp xảy ra và đưa ra toà xét xử Toà án tuyên bố vô hiệu căn cứ theo Điều 128 Bộ luật Dân sự 2005. Và căn cứ vào Điều 411 khoản 2 thì bên cho vay không phải bồi thường thiệt hại. Hoa lợi và lợi tức thu dược bị tịch thu theo quy định của pháp luật căn cứ vào Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005

5.5 Hợp đồng vay tài sản của các tổ chức, cá nhân mà không phải là tổ chức tín dụng thì có bắt buộc phải lập thành văn bản và phải có công chứng, chứng thực hay không?

Trả lời: Đối với các HĐVTS mà bên cho vay là các tổ chức, cá nhân khác thì

được điều chỉnh bởi các quy định của Bộ Luật Dân Sự.

Điều 401 Bộ luật dân sự quy định về hình thức của hợp đồng dân sự như sau:

“1. Hợp đồng dân sự có thể được giao kết bằng lời nói, văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể, khi pháp luật không quy định loại hợp đồng đó phải được giao kết bằng một hình thức nhất định.

2. Trong trường hợp pháp luật có quy đinh hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng hoặc chứng thực, phải đăng ký hoặc phải xin phép thì tuân theo các quy định đó. Hợp đồng không bị vô hiệu trong trường hợp có vi phạm về hình thức, trừ trường hợp pháp luật có quy đinh khác.

Điều 471 Bộ luật dân sự quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Căn cứ vào các quy định nêu trên của Bộ luật dân sự, hình thức hợp đồng vay tài sản của các tổ chức, cá nhân khác không phải là tổ chức tín dụng thì không bắt buộc phải được thể hiện bằng văn bản và cũng không bắt buộc phải được công chứng, chứng thực.